

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành Kế toán-K24

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo (CTĐT)

Tên chương trình đào tạo	
Cử nhân ngành Kế toán	
Bậc trình độ theo khung trình độ quốc gia Việt Nam	
Bậc 6	
Đơn vị cấp bằng	Đơn vị giảng dạy
Trường Đại học Văn Lang	Trường Đại học Văn Lang
Khoa quản lý	
Khoa Kế toán – Kiểm toán	
Trang thông tin điện tử của khoa	
http://tkt.vanlanguni.edu.vn/	
Tên văn bằng	
Cử nhân ngành Kế toán	
Mã ngành đào tạo	
7340301	
Điều kiện tuyển sinh	
Tất cả công dân Việt Nam đã tốt nghiệp phổ thông trung học và đạt các yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh hàng năm của Trường Đại Học Văn Lang. - Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia 2018 - Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ lớp 12 THPT.	
Thời gian và hình thức đào tạo	

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngày/Tháng bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Cử nhân ngành Kế toán	4 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Chương trình được kiểm định theo tiêu chuẩn của tổ chức:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.
- 3. Tổ xây dựng/rà soát CTĐT (Tên của tổ trưởng và các thành viên chính tham gia thiết kế/rà soát CTĐT).**

TT	Học hàm Học vị	Họ tên	Vai trò	Chuyên ngành
1	Tiến sĩ	Nguyễn Cửu Đỉnh	Tổ trưởng	Kế toán
2	Tiến sĩ	Mai Bình Dương	Thành viên	Tài chính
3	Thạc sĩ	Nguyễn Thị Bích Vân	Thành viên	Quản trị kinh doanh
4	Thạc sĩ	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên	Tài chính
5	Thạc sĩ	Nguyễn Thị Phước	Thành viên	Tài chính

4. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Có thể làm việc ở các vị trí như: kế toán viên, kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên nội bộ, trợ lý kiểm toán độc lập, chuyên viên thuế trong các loại hình doanh nghiệp;
- Có thể làm việc ở các vị trí như: chuyên viên tài chính trong các loại hình doanh nghiệp, chuyên viên nghiệp vụ trong các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính;
- Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp còn có khả năng tự khởi nghiệp, hoặc theo định hướng nghiên cứu khoa học, giảng dạy tại các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục và đào tạo.

5. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

5a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy-học của ngành đào tạo

Triết lý giáo dục của CTĐT là “học thông qua trải nghiệm”

5b. Mục tiêu của CTĐT

	Kiến thức:
PO 1	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên các khái niệm cốt lõi và nền tảng lý thuyết vững chắc về tài chính, kế toán, kinh doanh; - Trang bị kiến thức, kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong chuyên môn, nghiệp vụ tài chính, kế toán thông qua các giải pháp công nghệ thông tin; - Hiểu biết về bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội và con người trong môi trường kinh doanh toàn cầu.
PO 2	Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, kỹ năng phản biện và sáng tạo trong nghề nghiệp, góp phần vào thành công trong nghề nghiệp; - Sinh viên tiếp cận với thực tiễn nghề nghiệp thông qua tương tác thường xuyên với cộng đồng doanh nghiệp.
PO 3	Thái độ <ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong môi trường cạnh tranh kinh tế - Có khả năng học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.

5c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

ELO 1	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng kiến thức về toán, kinh tế, chính trị, văn hóa, luật pháp, quản lý và con người vào ngành Kế Toán;
ELO 2	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, phân tích các dữ liệu định tính và định lượng để lập báo cáo tài chính và hồ sơ kiểm toán;
ELO 3	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích thông tin tài chính, kế toán, lập các báo cáo kế toán quản trị chuyên sâu để tư vấn cho nhà quản trị việc ra quyết định;
ELO 4	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các phương pháp điều tra, khảo sát và nghiên cứu thường dùng trong ngành kinh doanh để phát hiện và nghiên cứu về các vấn đề của ngành Kế toán đáp ứng mục tiêu đề ra
ELO 5	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tốt tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong các bối cảnh đa dạng

ELO 6	<ul style="list-style-type: none"> Phối hợp tốt với nhóm cả trong vai trò là một nhà lãnh đạo hay một thành viên trong nhóm
ELO 7	<ul style="list-style-type: none"> Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hóa và sử dụng thông thạo tiếng Anh;
ELO 8	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán hiện đại, làm chủ được các hệ thống thông tin kế toán cơ bản;
ELO 9	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp;
ELO 10	<ul style="list-style-type: none"> Định hướng tương lai rõ ràng, có tinh thần khởi nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

5.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa (CTĐT có những giải pháp gì để thúc đẩy khả năng quốc tế hóa và khuyến khích sinh viên giao lưu văn hóa?)

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Hơn nữa, sinh viên có thể tham gia các chương trình trao đổi học thuật và văn hóa với các quốc gia trong khu vực. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường truyền thông đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác (Tính bình đẳng, đa dạng, đầy đủ được tích hợp như thế nào khi thiết kế, xây dựng nội dung và triển khai CTĐT)

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành phù hợp với sở thích và năng lực.

6. Các chương trình và quy định được tham khảo

6.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - Đại học).

- Đối sánh CTĐT với các trường Đại học trong nước: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Kinh tế Tài chính.

- Đối sánh CTDT với các trường Đại học nước ngoài: University of West of Scotland, National university of Singapore, Australian National university and University of Texas

6b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Điều kiện xét và công nhận sinh viên tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ GD-ĐT và của Trường Đại Học Văn Lang. Sinh viên có đầy đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm TB tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên theo thang điểm 4;
- Có chứng chỉ GDQP và có kết quả đạt học phần Giáo dục thể chất.

2. Xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa như sau:

- Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
- Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
- Khá: từ 2.50 đến 3.19
- Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

7. Cấu trúc CTĐT (bao gồm mã học phần, tên học phần và số tín chỉ):

7.a. Cấu trúc chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
HỌC KỲ 1			
Học phần bắt buộc			
1	DKT0140	Chuyên đề Nhập môn nghề nghiệp TCKT	1
2	DCT0010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mac-Lenin 1	2
3	DTN0110	Toán cao cấp ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh 1	2
4	DPL0010	Pháp luật đại cương	2
5	DTA0012	Anh văn 1	3
6	DTH0012	Tin học căn bản	2
7	DKT0021	Marketing căn bản	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
8	DKT0010	Kinh tế vi mô	3
Học phần tự chọn			
1	DXH0200	Chuyên đề Xã hội - Văn hóa - Thể thao - Kinh doanh	1
HỌC KỲ 2			
Học phần bắt buộc			
1	DXH0250	Chuyên đề Môi trường và Con người	1
2	DCT0011	Những nguyên lý cơ bản của CN Mac-Lenin 2	3
3	DTN0111	Toán cao cấp ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh 2	2
4	DTA0020	Anh văn 2	3
5	DPL0031	Luật kinh tế	2
6	DKT0030	Kinh tế vĩ mô	3
7	DAC0010	Nguyên lý kế toán	3
HỌC KỲ 3			
Học phần bắt buộc			
1	DGT0010	Giáo dục thể chất	2
2	DTN0150	Thông kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	2
3	DTA0030	Anh văn 3	3
4	DPR0060	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2
5	DAC0021	Kế toán tài chính 1	3
6	DAC0280	Nền tảng kế toán 1	3
7	DFB0220	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	4
HỌC KỲ 4			
Học phần bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	DTA0040	Anh văn 4	3
2	DKT0062	Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	2
3	DXH0052	Tư duy phản biện	2
4	DAC0290	Nền tảng kế toán 2	3
5	DAC0031	Kế toán tài chính 2	3
6	DAC0061	F1- Kế toán trong kinh doanh 1	3
7	DAC0070	F1- Kế toán trong kinh doanh 2	2

HỌC KỲ 5

Học phần bắt buộc

1	DFB0031	Tài chính doanh nghiệp	3
2	DAC0041	Kế toán đầu tư và huy động vốn	2
3	DKT0040	Thuế	2
4	DAC0130	Ứng dụng Excel trong kế toán	2
5	DAC0081	F2- Kế toán quản trị 1	3
6	DAC0090	F2- Kế toán quản trị 2	2
7	DXH0041	Nghiên cứu khoa học	3

HỌC KỲ 6

Học phần bắt buộc

1	DAC0051	Kế toán thuế và lập báo cáo tài chính	2
2	DAC0120	Sổ sách kế toán	2
3	DAC0171	F3- Kế toán tài chính 1	3
4	DAC0180	F3- Kế toán tài chính 2	2
5	DAC0100	Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo	3
6	DFB0271	Ngân hàng thương mại	4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học phần tự chọn			
1	DFB0070	Phân tích báo cáo tài chính	2
2	DFB0260	Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	2
HỌC KỲ 7			
Học phần bắt buộc			
1	DXH0260	Chuyên đề Kỹ năng viết CV và phỏng vấn	1
2	DCT0030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	DAC0250	Quản trị chi phí	2
4	DAC0110	Hệ thống thông tin kế toán	2
5	DAC0140	Phần mềm kế toán	2
6	DAC0160	Mô phỏng kế toán doanh nghiệp	3
Học phần tự chọn			
1	DAC0220	- Kiểm toán phần hành	3
2	DAC0230	- Kiểm toán nội bộ	3
3	DAC0191	- Kế toán Mỹ	3
4	DAC0201	- Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3
HỌC KỲ 8			
Học phần bắt buộc			
1	DQP0010	Giáo dục quốc phòng	8
2	DCT0020	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3
3	DAC0150	Mô phỏng báo cáo thuế	2
Học phần tự chọn			
1	DFB0280	Phân tích định lượng trong TCKT (2TC) (PA1)	6
2	DFB0290	- Làm Dự án (4TC) (PA1)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
3	DAC0240	- Viết khóa luận tốt nghiệp (6TC) (PA2)	6

7.b. Giải thích về chương trình và thiết kế đánh giá:

i) Liên hệ với giảng viên
<ul style="list-style-type: none"> - Gặp trực tiếp: giờ lên lớp, giờ trực chuyên môn tại văn phòng khoa; - Gặp gián tiếp thông qua các phương tiện nghe nhìn: trang học trực tuyến; - Thông qua cổng vấn học tập: đặt lịch hẹn.
ii) Tự học và trải nghiệm thực tế
<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được giảng viên giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo trong thư viện để tự học, tự nghiên cứu. Sinh viên cũng sử dụng hệ thống học trực tuyến để sử dụng các tài nguyên kỹ thuật số và tạo điều kiện thuận tiện cho việc tự học ngoài lớp. - Các hoạt động thực tập, kiến tập tại các doanh nghiệp tạo cơ hội cho sinh viên trải nghiệm thực tế.
iii) Các hình thức đánh giá
Tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp

8. Đóng góp của những người ngoài trường

- Một số học phần thực hành, thực tế và một số hoạt động chuyên môn được giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp bởi các chuyên gia từ các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực.
- Tùy vào nhu cầu, khoa có kế hoạch hợp tác và mời chuyên gia thực tế giảng dạy các học phần/chuyên đề đặc biệt, họ vẫn đảm bảo tuân thủ phương pháp đánh giá theo quy định để hướng đến đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

9. Học tập trải nghiệm qua công việc thực tế

9.a. CTĐT có tạo cơ hội học tập qua công việc thực tế hay không?
<ul style="list-style-type: none"> - Ngoài các môn học chính thức trong khung chương trình môn học, Khoa còn thiết kế Chương trình trải nghiệm. Sinh viên từ năm thứ 1 đã có cơ hội trải nghiệm công việc thực tế tại các doanh nghiệp, từ đó sinh viên nhìn thấy rõ ràng bức tranh nghề nghiệp trong thực tế sau này ra trường đi làm.
9.b. Trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp là bắt buộc hay tùy chọn?

CTĐT yêu cầu một số học phần phải đào tạo thông qua công việc thực tế, sinh viên được yêu cầu đến các doanh nghiệp để làm quen với cách xử lý công việc thực tế.

9.c. Tóm tắt bản chất học tập qua công việc thực tế

Chương trình trải nghiệm có thể được tổ chức dưới dạng kiến tập và thực tập tại doanh nghiệp. Thông qua chương trình sinh viên có cơ hội tiếp cận và vận dụng kiến thức chuyên môn đã được học vào xử lý công việc thực tế. Đồng thời, chương trình còn đem lại cho sinh viên sự nhiệt huyết, đam mê và yêu thích công việc thực tế.

9.d. Tổ chức quản lý các khóa học trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp

Trưởng khoa/Phó trưởng khoa/trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các khóa học trải nghiệm tại các doanh nghiệp. Các giảng viên được phân công hướng dẫn các nhóm kết hợp với các trưởng bộ phận, báo cáo viên tại doanh nghiệp thiết kế nội dung thực tập phù hợp với nội dung các học phần trong CTĐT, DCCT và tổ chức đánh giá sau mỗi đợt trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp.

9.e. Thời gian học tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp

Thời gian học tập tại doanh nghiệp kéo dài 4 tuần

9.f. Đánh giá học phần học trải nghiệm công việc thực tế

Đối với các học phần kiến tập và thực tập tốt nghiệp, sau khi kết thúc thời gian kiến tập, thực tập sinh viên phải viết báo cáo/tiểu luận hoặc khóa luận tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn sẽ đánh giá và cho điểm.

10. Sinh viên tham gia xây dựng và phát triển CTĐT (Làm thế nào sinh viên đang học hoặc cựu sinh viên tham gia vào việc góp ý xây dựng và phát triển CTĐT)

- Thông qua câu lạc bộ sinh viên, ban cán sự lớp, hoặc phiếu lấy ý kiến đóng góp của sinh viên cho việc xây dựng CTĐT.
- Thông qua CLB cựu sinh viên được khoa tổ chức họp mặt hàng năm hoặc 2 năm một lần để thu thập ý kiến đóng góp cho CTĐT.

11. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời:

11.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có	
11.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có	
11.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp lên cao học, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

12. Chất lượng và các tiêu chuẩn:

Nhà trường và khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế, và linh hoạt thay đổi đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với môi trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

1. Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;
2. Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo “Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm”;
3. Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV .NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;
4. Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và công nghiệp 4.0;
5. Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

13. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo: 22/11/2018

14. Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và các học phần:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ	
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
	Kiến thức giáo dục đại cương (36 tín chỉ)											
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác–Lênin 1 (Principles of Marxist-Leninist 1).	2	S	N	N	N	N	N	N	N	N	N
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác–Lênin 2 (Principles of Marxist-Leninist 2).	3	S	N	N	N	N	N	N	N	N	N
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	S	N	N	N	N	N	N	N	N	N
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN (Revolution ways of Vietnam Communist Party)	3	S	N	N	N	N	N	N	N	N	N
5	Pháp luật đại cương	2	S	N	N	N	N	N	N	N	N	N
6	Luật kinh tế	2	S	N	N	N	N	N	N	N	N	N
7	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	S	N	N	S	S	N	H	N	N	S
8	Tư duy phản biện	2	S	N	N	H	N	H	N	N	N	S
9	Toán cao cấp ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh 1	2	S	N	N	N	S	N	N	N	S	N
10	Toán cao cấp ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh 2	2	S	N	N	N	S	N	N	N	S	N
11	Tin học căn bản	2	S	N	N	S	S	S	N	S	S	S
12	Anh văn 1	3	N	N	N	N	N	H	H	N	N	N
13	Anh văn 2	3	N	N	N	N	N	H	H	N	N	N
14	Anh văn 3	3	N	N	N	N	N	H	H	N	N	N

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ	
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
15	Anh văn 4	3	N	N	N	N	N	H	H	N	N	N
16	Giáo dục thể chất 1,2	4	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N
17	Giáo dục quốc phòng	8	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N
18	<i>Chuyên đề</i> Đạo đức và định hướng nghề nghiệp	1	H	N	N	N	N	N	N	N	N	H
19	<i>Chuyên đề</i> tự chọn (Văn hóa, xã hội, thể thao, kinh doanh)	1	S	N	N	N	N	N	N	N	N	N
20	<i>Chuyên đề</i> Môi trường và Con người	1	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N
21	<i>Chuyên đề</i> Kỹ năng viết CV và Phỏng vấn	1	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (87 tín chỉ)												
Kiến thức cơ sở ngành (14 tín chỉ)												
22	Kinh tế vi mô	3	S	N	N	N	S	S	N	N	N	S
23	Kinh tế vĩ mô	3	S	N	N	N	S	S	N	N	N	S
24	Marketing căn bản	2	S	N	N	N	S	N	N	N	N	S
25	Thuế	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S
26	Thông kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	2	S	N	N	S	S	S	N	N	N	S
27	Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	2	N	N	N	S	S	S	N	S	N	N
Kiến thức ngành (46 TC: 43BB+3TC)												
28	Nguyên lý kế toán	3	S	N	N	N	S	H	N	S	S	S
29	Kế toán tài chính 1	3	N	N	N	N	S	H	N	H	S	S
30	Kế toán tài chính 2	3	N	N	N	N	N	H	S	N	S	S

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ	
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
31	Kế toán đầu tư và huy động vốn	2	N	N	N	N	S	H	N	S	S	N
32	Kế toán thuế và lập báo cáo tài chính	2	S	N	N	N	H	S	N	S	S	N
33	Hệ thống thông tin kế toán	2	S	S	S	N	S	S	S	S	N	N
34	Sổ sách kế toán	2	N	N	N	N	H	N	N	H	H	N
35	MS-Excel trong kế toán	2	N	N	N	N	S	N	N	H	S	N
36	Nền tảng kế toán 1	3	H	N	N	N	S	N	H	S	N	H
37	Nền tảng kế toán 2	3	H	N	N	N	S	N	H	S	N	H
38	F1- Kế toán trong kinh doanh 1 (ACCA)	3	H	N	N	N	S	S	S	N	N	S
39	F1- Kế toán trong kinh doanh 2 (ACCA)	2	H	N	N	N	S	S	H	N	N	S
40	(F2-Kế toán quản trị 1 (ACCA)	3	N	N	N	N	S	S	H	S	N	S
41	(F2-Kế toán quản trị 2 (ACCA)	2	N	N	N	N	S	S	H	S	N	S
42	F3 Kế toán tài chính 1 (F3-Financial Accounting 1)	3	S	N	N	N	S	S	S	S	S	N
43	F3- Kế toán tài chính 2 (F3-Financial Accounting 2)	2	S	N	N	N	S	S	S	S	S	N
44	Kế toán Mỹ	3	S	N	N	N	S	S	S	S	S	S
45	- Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)	3	S	N	N	N	S	H	S	S	S	S
46	Kiểm toán và Dịch vụ đảm bảo	3	H	N	N	N	S	H	S	S	H	N
	Kiến thức chuyên sâu (12 TC: 10BB+ 3TC)											
47	Phần mềm trong kế toán	2	N	N	N	N	S	N	N	H	S	N
48	Mô phỏng báo cáo thuế	2	S	N	S	N	H	N	N	H	N	N
49	Mô phỏng hoạt động kế toán DN	3	S	S	N	N	H	S	N	S	S	N

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ	
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
50	Quản trị chi phí	2	N	N	N	N	S	S	N	S	N	S
51	Kiểm toán phần hành	3	N	N	N	N	S	H	N	S	S	N
52	Kiểm toán nội bộ	3	H	N	N	N	N	N	S	S	S	N
Kiến thức bô trợ (16TC: 14BB+2TC)												
53	Thị trường tài chính & Các định chế tài chính	4	S	N	N	N	S	S	N	N	N	S
54	Tài chính doanh nghiệp	3	N	N	N	N	S	N	S	S	N	S
55	Ngân hàng thương mại	4	S	N	N	N	H	S	N	S	S	S
56	Phân tích báo cáo tài chính	2	N	N	N	N	S	S	S	S	N	N
57	- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (Securities Trading)	2	N	H	N	S	H	H	S	N	N	N
58	Nghiên cứu khoa học	3	N	S	N	S	H	H	S	N	S	S
Thực tập tốt nghiệp/Khoa luận- Đề án tốt nghiệp/ Học phần tốt nghiệp(6TC)												
59	Nhóm 1: Khoa luận tốt nghiệp	6	N	N	S	H	H	S	N	N	S	N
60	Nhóm 2: Học 2 môn thay thế	+ Dự án	4	N	N	S	H	H	S	N	N	S
		+ Phân tích định lượng trong tài chính - kế toán	2	N	H	N	H	S	N	N	S	N

15. Mô tả ngắn nội dung các học phần:

1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1

(Principles of Marxism-Leninism 1):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung: s

- Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.
- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng của Việt Nam.

2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin 2

(Principles of Marxism-Leninism 2) :

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung:

- Những quan điểm, phạm trù, quy luật của nền kinh tế hàng hóa tư bản, xu hướng tất yếu của CNTB và những vấn đề có tính quy luật của chủ nghĩa xã hội.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.
- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng của Việt Nam.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Thought):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Những hiểu biết cơ bản có hệ thống về tư tưởng về đạo đức và văn hóa Hồ Chí Minh
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.
- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng mà chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

4. Đường lối cách mạng của ĐCSVN

(Revolution ways of Vietnam Communist Party):

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung:

- Kiến thức về sự ra đời của ĐCSVN và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay.
- Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm,
- Thái độ tích cực về lý tưởng cách mạng, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức lối sống tốt.

5. Pháp luật đại cương (Legal Basis) :

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Kiến thức tổng quan về sự ra đời, hình thành và sự phát triển của nhà nước và pháp luật. Từ đó, trình bày được những quy luật căn bản về sự tồn tại của các yếu tố mang tính quyền lực ở phạm vi quốc gia.
- Sinh viên vận dụng kiến thức về một số luật chuyên ngành cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống thực tiễn.

6. Luật kinh tế (Economic Law) :

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Kiến thức pháp luật về các hình thức kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp, cách thức thành lập, hoạt động, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Kiến thức pháp luật về hợp đồng, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

7. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (Business Communication skill):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp giao tiếp hiệu quả, các thành phần trong quá trình giao tiếp. Nội dung cốt lõi của môn học là rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong giao tiếp bằng phương pháp thuyết trình hoặc viết báo cáo để trình bày, phân tích vấn đề với sự hỗ trợ của các công nghệ.

8. Tư duy phản biện (Critical Thinking):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức về các phương pháp logic và phương pháp phân tích, đánh giá một vấn đề, đồng thời rèn luyện tư duy logic trong việc xác định, thảo luận, phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề.

9. Toán cao cấp ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh 1(Applied Mathematics for Economics and Business 1):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan về ma trận, thực hiện được các phép tính với ma trận, giải được hệ phương trình tuyến tính, nhận biết bài toán quy hoạch tuyến tính, giải được bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến bằng phương pháp đồ thị.
- Ngoài ra môn học cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích được các mô hình kinh tế đơn giản: Mô hình cân bằng thị trường, mô hình input-output, tối ưu một đại lượng kinh tế khi hàm mục tiêu và các ràng buộc tuyến tính, vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả, ý thức tự học, tự nghiên cứu, tuân thủ giờ giấc học tập.

10. Toán cáo cấp trong kinh tế và kinh doanh 2 (Applied Mathematics for Economics and Business 2): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến phép tính vi phân và tích phân của hàm số một biến và hàm số nhiều biến như: Đạo hàm, đạo hàm riêng, cực trị, các loại tích phân... Ngoài ra, môn học cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân biệt được các dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2, các loại chuỗi số và chuỗi hàm, giải những dạng bài tập thuần túy về mặt toán học và giải quyết một số bài toán đơn giản trong thực tế như: Tìm diện tích lớn nhất, tìm chi phí nhỏ nhất, tính diện tích vật thể, tính thể tích vật thể...
- Đồng thời, sinh viên được rèn luyện ý thức được việc học tập của bản thân. Nhận biết được nhiệm vụ của người học, trách nhiệm của bản thân đối với mọi người trong nhóm học tập và trong lớp học.

11. Tin học cơ bản (Information Basis) : 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Sinh viên mô tả cấu trúc máy tính, mạng máy tính kết nối, cài đặt phần mềm ứng dụng trong máy tính sửa lỗi khắc phục sự tương thích của phần mềm trong quá trình sử dụng kỹ năng
- Tìm kiếm tài nguyên trên mạng internet và chia sẻ thông tin, gửi/nhận thư điện tử.
- Soạn thảo bài trình chiếu hiệu quả
- Soạn thảo tài liệu, văn bản với các chuẩn mực định dạng
- Sử lý bảng tính và tính toán số liệu theo yêu cầu
- Thái độ phẩm chất: Học tập nghiêm túc, kiên trì và kỷ luật thông qua môi trường chia sẻ thông tin.

12. Anh văn 1 (English 1): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật, các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.
- Sinh viên có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè ...

13. Anh Văn 2 (English 2): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh văn 1

Nội dung:

- Sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm...)
- Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản quen thuộc hàng ngày.

- Sinh viên có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

14. Anh văn 3 (English 3):

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh văn 2

Nội dung:

- Sinh viên có thể hiểu được ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu thuận mực rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí....
- Sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó.
- Sinh viên có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

15. Anh Văn 4 (English 4):

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh văn 3

Nội dung:

- Sinh viên có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.
- Sinh viên có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

16. Giáo dục thể chất 1,2 (Physical Training 1,2):

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

17. Giáo dục quốc phòng (Military Training):

8 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Sinh viên sau khi học xong có thể hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.

18. Chuyên đề Đạo đức và định hướng nghề nghiệp (Seminar Professional Ethics and Career Orientation) :

1 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Chuyên đề này giới thiệu cho sinh viên tổng quan về nghề TCKT, quy trình và chương trình đào tạo ngành TCNH và Kế Toán của trường DH Văn Lang. Đồng thời môn học cũng tổ chức cho sinh viên giao lưu, tham quan các doanh nghiệp, giao lưu với các cựu sinh viên để nghe giới thiệu và trao đổi về định hướng nghề nghiệp TCKT.

19. Chuyên đề tự chọn (văn hóa, xã hội, thể thao, kinh doanh) (Seminar Culture, Society, Sport, Business Electives) : 1 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Chuyên đề này cung cấp cho sinh viên sự lựa chọn tìm hiểu các vấn đề tổng quan về văn hóa, xã hội thể thao kinh doanh thông qua các chuyên đề như Cộng đồng Châu Âu, Cộng đồng ASEAN, Tổ chức thương mại quốc tế và khối kinh tế ASEAN, Thể thao Yoga, Thương mại điện tử, văn hóa doanh nghiệp, mạng xã hội, ngành công nghiệp thời trang.

20. Chuyên đề Môi trường và con người

(Seminar Environmental & Humanity):

1 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Trang bị cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, cơ sở khoa học môi trường, cơ sở khoa học môi trường, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu
- Rèn luyện cho sinh viên tham gia xây dựng bài trên lớp, và làm bài tập tại lớp, góp phần hình thành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy giải quyết vấn đề của sinh viên.
- Hình thức ý thức bảo vệ môi trường trong cuộc sống hằng ngày và các hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

21. Chuyên đề Kỹ năng viết CV và phỏng vấn (Seminar Writing CV and Interview Skills): 1 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Chuyên đề này trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về tuyển dụng và các yêu cầu đối với ứng viên khi tuyển dụng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết CV và phỏng vấn tuyển dụng.

22. Kinh tế vi mô (Microeconomics):

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động của thị trường, hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất trên thị trường nhằm phân tích,

- so sánh giá cả và đánh giá hiệu quả hoạt động giữa các cấu trúc thị trường khác nhau, phân tích các biện pháp can thiệp của chính phủ vào thị trường.
- Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên hình thành đức tính trung thực, kiên trì, chăm chỉ, có trách nhiệm trong công việc.

23. Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics):

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các học thuyết kinh tế vĩ mô, hoạt động của nền kinh tế trên giác độ tổng thể, nguyên nhân gây ra các biến động kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò và tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ nhằm phân tích các biến động kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn, giải thích, phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của toàn bộ nền kinh tế, tự học tập, cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu, thu thập dữ liệu kinh tế.
- Đồng thời, môn học giúp sinh viên hình thành được các đức tính trung thực, cẩn thận, chăm chỉ và có trách nhiệm trong công việc.

24. Marketing căn bản (Principles of Marketing):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về marketing, môi trường marketing, hành vi khách hàng, phân khúc thị trường và các chiến lược marketing cho sản phẩm.

25. Thuế (Taxation):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Luật kinh tế, F2 – Kế toán quản trị.

Nội dung:

- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận nền về thuế nhằm giúp sinh viên hiểu được tại sao lại phải có thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế chủ yếu đang được áp dụng hiện nay như thuế GTGT, tiêu thụ đặc biệt, thuế TNDN, TNCN, ... nội dung chính của học phần bao gồm: Khái niệm thuế, đặc điểm thuế, vai trò của thuế phân loại thuế, các yếu tố cơ bản hình thành luật thuế; khái niệm, đặc điểm vai trò của các loại thuế hiện hành của Việt Nam; nội dung cơ bản của các loại thuế theo luật hiện hành của Việt Nam.

26. Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (Applied Statistics for Economics and Business):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất, phân phối chuẩn, phân phối ngẫu nhiên, các phương pháp thống kê mô tả đặc trưng số của dữ liệu, phân tích được các chỉ số thời gian, xây dựng và ước lượng mô hình dự báo bằng hồi quy đơn giản và phân tích biến động của hiện tượng kinh tế xã hội.

27. Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (Applied Econometrics for Economics and Business): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung:

- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ước lượng mô hình hồi quy bội, hồi quy với biến giả, đánh giá mô hình, kiểm định các khuyết tật như đa cộng tuyến, phuong sai thay đổi và sự tương quan của mô hình hồi quy và kiểm định các giả thuyết.

28. Nguyên lý kế toán (Fundamental Accounting Principles): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô

Nội dung:

- Để đạt được mục tiêu và kết quả học tập mong đợi, học phần nguyên lý kế toán được thiết kế gồm các nội dung như: Tổng quan về kế toán, chu trình kế toán. Trong phần tổng quan về Kế Toán tập trung mô tả bản chất của Kế Toán, giải thích rõ các khái niệm, các giả định và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận (GAAP), phân tích môi trường pháp lý kế toán và đề cập đến các vấn đề đạo đức nghề nghiệp. Nội dung quan trọng nhất của học phần này là chu trình kế toán, gồm các bước: Phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán điều chỉnh và hoàn thành chu trình kế toán, Kế toán lợi nhuận. Các kỹ thuật để xử lý nghiệp vụ kế toán và các phương pháp kế toán đều được trình bày và vận dụng trong nội dung từng bước của chu trình kế toán.

29. Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting1): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán

Nội dung:

- Học phần này trang bị cho sinh viên chuyên ngành kế toán cách tiếp cận các đối tượng kế toán thông qua các yếu tố của báo cáo tài chính từ tổng quát đến chi tiết. Biết phân biệt và ghi nhận các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán và thông tư hướng dẫn. Sau khi nghiên cứu xong học phần này sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về kế toán tài chính, sẽ hiểu được các yếu tố cơ bản cấu thành nên các báo cáo tài chính căn bản, sẽ nắm được các thủ tục, các phương pháp kế toán, các chế độ, chính sách về kế toán tài chính do nhà nước ban hành. Sinh viên sẽ thực hiện được một số phần hành kế toán cơ bản trong một doanh nghiệp.

30. Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting1): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1

Nội dung:

- Môn học bao gồm 4 chương trình bày các kiến thức về kế toán hoạt động thương mại, sản xuất và cung cấp dịch vụ, kế toán giao dịch ngoại tệ, kế toán phải thu phải trả nội bộ, kế toán xây lắp và xây dựng cơ bản. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng quản lý thời gian.

31. Kế toán đầu tư và huy động vốn (Accounting for Investment and Capital Mobilization): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kế toán tài chính 2

Nội dung:

- Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức về kế toán bất động sản đầu tư, kế toán thuê tài sản, kế toán đầu tư tài chính, kế toán vay và dự phòng nợ phải trả, kế toán công ty cổ phần. Đồng thời, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng quản lý thời gian.

32. Kế toán thuế và lập báo cáo tài chính (Accounting for Taxation and Financial Statement): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kế toán đầu tư và huy động vốn, thuế.

Nội dung:

- Môn học này thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo của ngành kế toán.
- Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chi phí thuế TNDN hiện hành, thuế TNDN hoãn lại, lập bộ báo cáo tài chính cho doanh nghiệp như khái niệm, cách xác định và hoạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại, khái niệm và ý nghĩa từng mẫu báo cáo tài chính. Bên cạnh đó các kiến thức nâng cao lập báo cáo tài chính tổng hợp, xử lý các sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33. Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kế toán thuế và lập BCTC.

Nội dung:

- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán, quy trình lưu chuyển chứng từ trong đơn vị, kiến thức kiểm soát nội bộ, chu trình kinh doanh trong doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng tự đọc các quy trình lưu chuyển chứng từ hoặc ngược lại mô tả các quy trình bằng lưu đồ. Sinh viên lựa chọn ứng dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho sinh viên ý thức hợp tác làm việc nhóm và tôn trọng kỷ luật.

34. Sổ sách kế toán (Practical Book-keeping): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kế toán thuế & lập BCTC.

Nội dung:

- Môn học bao gồm 7 chương trình bày các kiến thức tổng quan thực hành trên chứng từ và sổ sách kế toán theo hình thức thủ công như: Tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp mới thành lập; Thu thập chứng từ; Kiểm tra chứng từ; Lập chứng từ; Mở sổ kế toán; ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung cho từng công việc của kế toán thanh toán; kế toán tài sản cố định, kế toán hàng tồn kho; kế toán lương; kế toán giá thành; kế toán tiêu thụ và kế toán tổng hợp.
- Ngoài ra, còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hiện thành thạo các công việc của từng kế toán viên trên chứng từ và sổ sách kế toán. Bên cạnh đó, môn học này còn rèn luyện cho sinh viên đức tính cẩn thận, tỉ mỉ, tự học, tự nghiên cứu.

35. Ứng dụng MS-Excel trong kế toán (MS-Excel in Accountancy): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Tin học cơ bản, Sổ sách Kế Toán.

Nội dung:

- Học phần bao gồm 6 chương, trình bày về các thao tác cơ bản trên MS-Excel và các hàm excel thông dụng thường dùng trong kế toán; cách thức tổ chức cơ sở dữ liệu trong bảng tính excel; thực hành lập các sổ chi tiết và sổ tổng hợp theo hình thức Nhật ký chung; thực hành lập các BCTC và lập các chứng từ kế toán. Học phần này sẽ giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng tổ chức cơ sở dữ liệu kế toán trên MS-Excel kỹ năng vận dụng các hàm trong MS Excel để lấy dữ liệu lên các chứng từ, sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính (BCTC), kỹ năng vận dụng các quy trình kế toán, các hình thức ghi sổ và cuối cùng là kỹ năng làm việc nhóm.

36. Nền tảng kế toán 1 (ACCA-FA) (Foundation of Financial Accounting): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh văn 3

Nội dung:

- Học phần nền tảng kế toán 1 giới thiệu cho sinh viên làm quen các khái niệm cũng như từ vựng hay thuật ngữ tiếng Anh của chuyên ngành Kế toán tài chính. Qua những loạt hoạt động đọc, viết trên lớp, sinh viên sẽ biết cách định nghĩa những từ vựng về nghề nghiệp kế toán; học phương pháp đọc và soạn thảo bảng cân đối kế toán và bảng báo cáo kết quả kinh doanh cơ bản bằng tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên còn được giải thích những khái niệm cũng như thuật ngữ, từ vựng Anh văn trong những chuyên đề cụ thể của Kế toán tài chính như: Quy trình kế toán cơ bản, Bút toán điều chỉnh, Hao mòn Tài sản cố định...
- Ngoài ra, sinh viên sẽ thể hiện bài thuyết trình bằng Tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến kế toán. Sinh viên cũng sẽ có cơ hội vận dụng được khả năng nghe, nói tiếng Anh nhằm giao tiếp được trong những tình huống công việc giả định trên lớp thuộc lĩnh vực kế toán sau này như phỏng vấn xin việc, hỏi xin số liệu, phân tích báo cáo tài chính...

37. Nền tảng kế toán 2 (ACCA-MA)

Foundation of Management Accounting: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh Văn 3, Nền tảng kế toán 1.

Nội dung:

- Học phần này giới thiệu cho sinh viên làm quen các khái niệm cũng như từ vựng hay thuật ngữ tiếng Anh của chuyên ngành Kế toán quản trị. Qua những hoạt động đọc, viết trên lớp, sinh viên sẽ biết cách định nghĩa những từ vựng về thông tin quản lý, kế toán chi phí, cũng như thực hành giải quyết được những tình huống cơ bản liên quan đến lĩnh vực kế toán quản trị như tính và phân tích CVP, lập ngân sách hay đưa ra những lựa chọn sản xuất tối ưu...
- Ngoài ra, sinh viên sẽ được luyện tập phối hợp làm việc nhóm và ứng dụng vốn từ Anh văn chuyên ngành cũng như kiến thức kế toán quản trị của mình qua việc thực hiện project nhóm xuyên suốt môn học để giới thiệu và phân tích một ý tưởng kinh doanh bằng tiếng Anh. Sinh viên cũng sẽ có cơ hội vận dụng được khả năng nghe nói tiếng Anh nhằm giao tiếp được trong những tình huống công

việc giả định trên lớp thuộc lĩnh vực kế toán sau này như phỏng vấn xin việc, hỏi xin số liệu, phân tích thông tin và dữ liệu tài chính cũng như phi tài chính, đưa ra quyết định dựa trên tình huống giả định sẵn...

38. F1- Kế toán trong kinh doanh 1 (ACCA) (F1- Accountant in Business 1): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung:

- Học phần Kế toán trong kinh doanh 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế và nguyên tắc vận hành các chính sách của chính phủ trên bình diện vi mô và vĩ mô; các khái niệm cơ bản trong quản trị doanh nghiệp như loại hình và cơ cấu tổ chức, các bên liên quan của doanh nghiệp, vai trò và chức năng của các bộ phận trong doanh nghiệp.
- Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức nâng cao như ảnh hưởng của văn hóa tổ chức doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội đến hoạt động tổ chức, hệ thống quy tắc, quy trình một số nghiệp vụ kế toán, quy trình lưu trữ dữ liệu, quy trình kiểm soát nội bộ, an ninh và an toàn của tổ chức. Đồng thời, kiến thức mở rộng như cách nhận diện và ngăn ngừa hành vi gian lận trong doanh nghiệp được bổ sung để sinh viên có kiến thức tự nghiên cứu học tập thêm.
- Ngoài ra, học phần còn tạo cơ hội cho sinh viên nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, ý thức tự học, nghiên cứu và tính kiên trì.

39. F1- Kế toán trong kinh doanh 2 (ACCA) (F1- Accountant in Business 2): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung:

- Học phần Kế toán trong kinh doanh 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp như các học thuyết về lãnh đạo, động viên nhân viên, tạo động lực cho nhân viên, các khái niệm và kỹ năng để lập mục tiêu cá nhân, các nguyên tắc làm việc nhóm, giao tiếp trong tổ chức để nâng cao hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó, các kiến thức nâng cao như hoạt động tuyển dụng, đánh giá hiệu quả công việc, mô tả công việc, đào tạo nhân viên, văn hóa tổ chức cũng được cung cấp để sinh viên khi tốt nghiệp có thể vận dụng vào tình huống cụ thể của tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ quản trị, kế toán, nhất là kế toán quản trị. Đồng thời, kiến thức mở rộng như hệ thống truyền thông, hệ thống lưu trữ dữ liệu của nhân viên trong tổ chức được bổ sung để sinh viên có kiến thức tự nghiên cứu, học tập thêm.
- Ngoài ra, học phần còn tạo cơ hội cho sinh viên nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, ý thức tự học, tự nghiên cứu và tính kiên trì.

40. F2- Kế toán quản trị 1 (ACCA) (F2-Management Accounting): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nguyên lý Kế Toán, Kế Toán Tài Chính 1.

Nội dung:

- Học phần giảng dạy các nội dung chính sau đây: Tổng quan về kế toán quản trị; các nguồn dữ liệu, phân loại chi phí, trình bày thông tin; quản trị chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí chung; các phương pháp tính giá thành như:

giá thành toàn bộ, giá thành khả biến, giá thành theo công việc, theo lô, giá thành dịch vụ, giá thành theo quá trình và giá thành sản phẩm liên kết và sản phẩm phụ.

41. F2- Kế toán quản trị 2 (ACCA) (F2-Management Accounting): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nguyên lý Kế Toán, F2- Kế toán quản trị 1.

Nội dung:

- Học phần giảng dạy các nội dung chính sau đây: Dự báo; dự toán ngân sách (quy trình và cách lập dự toán); ngân sách chi phí vốn; các phương pháp thẩm định dự án; Chi phí định mức, phân tích biến động chi phí; đo lường hiệu quả hoạt động và một số ứng dụng của đo lường hiệu quả hoạt động.

42. F3- Kế toán tài chính 1 (ACCA) (F3-Financial Accounting 1): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nền tảng kế toán 2.

Nội dung:

- Môn F3 – Kế toán tài chính 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp như các khái niệm về đặc tính chất lượng của thông tin kế toán (qualitative characteristics) thông qua các nguyên tắc và giả định kế toán; bộ luật khung (regulatory framework), hệ thống ban hành luật kế toán quốc tế và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS như tổ chức IASB, IFRS AC, IFRS IC...; hệ thống kế toán kép (double – entry); bảng cân đối thử (trial balance), các kiến thức chi tiết hơn trong các nghiệp vụ của kế toán viên như cách ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và thu mua, tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, các khoản trích trước và trả trước. Ngoài ra học phần này còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

43. F3- Kế toán tài chính 2 (ACCA) (F3-Financial Accounting 2): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: F3- Kế toán tài chính 1 (ACCA)

Nội dung:

- Môn F3- Kế toán tài chính 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản việc áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) trong việc lập báo cáo tài chính doanh nghiệp độc lập, báo cáo tài chính hợp nhất. Bên cạnh đó, học phần này còn giúp sinh viên tính một số chỉ số về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

44. Kế toán Mỹ (American Accounting): 3 Tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán.

Nội dung:

- Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình căn bản để làm kế toán trong một doanh nghiệp, cách trình bày thông tin trên báo cáo tài chính và sử dụng thông tin đó để ra quyết định kinh doanh. Các nội dung bao gồm: Phân tích, ghi nhận và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Lập các báo cáo tài chính như: báo cáo thu nhập, báo cáo vốn chủ sở hữu và bảng cân đối kế toán; Lập bút toán điều chỉnh, bút toán khóa sổ và lập bảng cân đối thử; Kế toán tiền

mặt và tiền lẻ của doanh nghiệp bao gồm kiểm soát nội bộ tiền mặt; Kế toán trong doanh nghiệp thương mại bao gồm tính giá và kiểm soát nội bộ hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định, kế toán các khoản phải thu và nợ phải trả.

45. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán

Nội dung:

- Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và nâng cao về kế toán tuân theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (International Financial Reporting Standards – IFRS) bao gồm: Giới thiệu tổng quan về IFRS, Giới thiệu các khuôn mẫu lý thuyết làm nền tảng cho việc thực hiện và trình bày báo cáo tài chính cho những người sử dụng bên ngoài doanh nghiệp, Giới thiệu một số chuẩn mực trong IFRS như chuẩn mực về hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, ghi nhận doanh thu, dự phòng, nợ tiềm tàng, cho thuê tài chính.

46. Kiểm toán và Dịch vụ đảm bảo (Audit and Assurance)

3 Tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kế toán đầu tư & huy động vốn.

Nội dung:

- Môn học bao gồm 7 chương trình bày các kiến thức về kiểm toán (ôn tập chung về kế toán, tổng quan về kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, chuẩn bị kiểm toán, bằng chứng kiểm toán, hoàn thành kiểm toán, các dịch vụ đảm bảo). Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như làm việc nhóm và thực hiện bài truyết trình hiệu quả.

47. Phần mềm trong kế toán (Applied Softwares in Accountancy):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kế toán thuế & lập BCTC.

Nội dung:

- Môn học bao gồm 10 chương trình bày các kiến thức tổng quan về PMKT máy; Mở sổ kế toán và thiết lập dữ liệu kế toán trên PMKT; Phân hệ mua hàng và công nợ phải trả; Phân hệ bán hàng và công nợ phải thu; Phân hệ quản lý quỹ và ngân hàng; Phân hệ kho và CCDC; Phân hệ TSCĐ; Phân hệ tiền lương, Phân hệ giá thành; Phân hệ tổng hợp và thuế. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hiện thành thạo các công việc của từng phân hệ trên PMKT, tổng hợp số liệu, xem báo cáo, sao lưu, phục hồi và lưu trữ dữ liệu kế toán. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm làm việc.

48. Mô phỏng báo cáo thuế (Tax Reports Simulation):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Mô phỏng hoạt động kế toán doanh nghiệp

Nội dung:

- Môn Mô phỏng báo cáo thuế thuộc khối kiến thức chuyên sâu trong chương trình đào tạo của ngành Kế toán. Mục tiêu cần đạt được với người học sau khi học học phần này: xác định đúng thời hạn kê khai của từng loại thuế; nắm vững kỹ thuật kê khai; tính và kê khai thuế đúng quy định. Bên cạnh đó, học phần này mong muốn sinh viên vận dụng văn bản pháp luật phù hợp xử lý các nghiệp vụ

kinh tế, lập báo cáo thuế bằng phần mềm HTKK, rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ trong việc lập báo cáo thuế.

49. Mô phỏng hoạt động kế toán DN (Accounting Simulation): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kế toán thuế & lập BCTC, Sổ sách kế toán.

Nội dung:

- Môn học này gồm 11 chương rèn luyện cho sinh viên vận dụng văn bản pháp luật vào công việc cụ thể khi làm kế toán. Sinh viên có thể làm ngay công việc cơ bản của kế toán viên. Bên cạnh đó, các kiến thức bổ trợ về lao động, bảo hiểm, tiền lương giúp sinh viên phối hợp với bộ phận nhân lực, tham mưu cho quản lý khi ký kết các hợp đồng lao động.

50. Quản trị chi phí (Cost Management): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: F2- Kế toán quản trị 2, Kế toán thuế và lập BCTC.

Nội dung:

- Môn Quản trị chi phí cung cấp cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng giá thành khả biến như một công cụ cho quản lý; Sử dụng giá thành trên cơ sở hoạt động (ABC) như một công cụ hỗ trợ cho việc ra quyết định. Sử dụng dự toán linh hoạt cho việc phân tích thành quả. Sử dụng các công cụ khác nhau để hỗ trợ cho việc ra quyết định đầu tư dài hạn.

51. Kiểm toán phần hành (Practical Audit Manual) : 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo.

Nội dung:

- Môn học trình bày các kiến thức về kiểm toán thực hành như Kiểm toán các sự kiện đặc biệt, giới thiệu thực hành kiểm toán, kiểm toán tiền, kiểm toán phải thu khách hàng, kiểm toán phải trả người bán, kiểm toán tài sản cố định. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng nghề như hoàn thiện hồ sơ kiểm toán một cách khoa học.

52. Kiểm toán nội bộ (Internal Audit): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo.

Nội dung:

- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ như các khái niệm về kiểm toán nội bộ, cơ cấu tổ chức kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, vai trò của kiểm toán nội bộ, quy trình kiểm toán nội bộ, thu thập bằng chứng trong kiểm toán nội bộ, báo cáo kiểm toán nội bộ.

53. Thị trường tài chính & Các định chế tài chính

(Financial Markets & Institutions): 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kinh tế vĩ mô.

Nội dung:

- Giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về hệ thống tài chính gồm: thị trường, định chế tài chính, cơ quan quản lý; mối quan hệ của các chủ thể trong thị trường,

vai trò, cách thức tổ chức, rủi ro của từng loại thị trường và các công cụ trên thị trường tài chính.

54. Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance)

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Thị trường tài chính và định chế tài chính, Nguyên lý kế toán.

Nội dung:

- Tài chính doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những nội dung tài chính của doanh nghiệp cơ bản, bao gồm (1) các quyết định tài chính và mục tiêu của doanh nghiệp (2) các báo cáo tài chính và kỹ thuật phân tích báo cáo tài chính nhằm đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp (3) thời giá tiền tệ và kỹ thuật chiết khấu dòng tiền (4) rủi ro, mối liên hệ giữa rủi ro và tỷ suất lợi nhuận (5) định giá tài sản tài chính (trái phiếu, cổ phiếu).

55. Ngân hàng thương mại (Commercial Banking)

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Tài chính doanh nghiệp.

Nội dung:

- Môn học giới thiệu khái quát về ngân hàng thương mai (NHTM) hiện nay bao gồm các khái niệm, đặc điểm, chức năng, các hoạt động của ngân hàng, các loại hình ngân hàng và cơ cấu tổ chức của một NHTM tại Việt Nam. Giới thiệu các nghiệp vụ huy động vốn, cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh, cho thuê tài chính, các nghiệp vụ thanh toán trong và ngoài nước đồng thời cung cấp các khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc, vai trò, quy trình nghiệp vụ, cách thức thao tác, phân loại, các phương pháp tính lãi của ngân hàng và một số sản phẩm đặc trưng của từng nghiệp vụ nêu trên. Ngoài ra, để tăng cường tính thực tiễn và ứng dụng, học phần này chú trọng đến việc xử lý các tình huống thực tế tại ngân hàng, cách tính lãi tiền gửi và tiền vay để sinh viên có thể làm việc tại ngân hàng.

56. Phân tích báo cáo tài chính (Financial Statement Analysis):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: KTTCC 2, Tài chính doanh nghiệp.

Nội dung:

- Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức tổng quan về phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động tài trợ, đầu tư, sản xuất kinh doanh và dòng tiền. Đồng thời, môn học rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích và đánh giá tình hình tài chính của một công ty. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và thuyết trình.

57. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (Securities Trading):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung:

- Kinh doanh chứng khoán là môn học thuộc phần kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, quy trình thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, quản lý hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh trên thị trường chứng khoán. Dựa trên nền tảng của những kiến thức cơ bản của môn học, sinh viên có

thể vận dụng vào việc thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán như: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán cho các nhà đầu tư, cho các doanh nghiệp.

58. Nghiên cứu khoa học (Research):

3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Marketing căn bản, Kinh tế lượng ứng dụng, F1- Kế toán trong kinh doanh 2.

Nội dung:

- Môn Nghiên cứu khoa học gồm 5 chương giới thiệu về các khái niệm trong hệ thống phương pháp luận nghiên cứu khoa học, quy trình nghiên cứu khoa học và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm để thu thập, xử lý dữ liệu định lượng bằng phần mềm SPSS. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy lý thuyết, trải nghiệm thực tiễn và viết báo cáo khoa học, thông qua đó rèn luyện tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, đạo đức trong nghiên cứu để thực hiện một nghiên cứu kinh tế và tạo ra được sản phẩm nghiên cứu dưới dạng một đề tài NCKH.

59. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis):

6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung:

- Khóa luận tốt nghiệp là một nghiên cứu khoa học của sinh viên về lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán và quản lý. Với sự hướng dẫn của một giảng viên có kinh nghiệm khoa học, sinh viên sẽ tìm kiếm, lập kế hoạch nghiên cứu, tìm kiếm, tổng hợp các tài liệu khoa học, các công việc thực tế liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, thu thập dữ liệu và sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính hoặc định lượng để giải quyết vấn đề. Môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tư duy thông qua việc phân tích dữ liệu, kỹ năng trình bày thông qua viết báo cáo. Khóa luận sẽ được đánh giá bởi hội đồng nghiên cứu.

60. Phân tích định lượng trong tài chính, kế toán (Quantitative Analysis for Finance and Accounting):

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung:

- Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành, áp dụng các công cụ phân tích định lượng như mô hình hồi quy, mô hình quản trị, mô hình tài chính và đầu tư, mô hình ra quyết định để giải quyết các vấn đề trong Kế toán và Tài chính.

61. Dự án (Project):

4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung:

- Dự án cuối khóa là một nghiên cứu khoa học của sinh viên về lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, chú trọng nghiên cứu về Kế toán, Kiểm toán. Với sự hướng dẫn của một giảng viên có kinh nghiệm khoa học, cùng với sự trải nghiệm thực tế, sinh viên sẽ tìm kiếm, lập kế hoạch nghiên cứu, tổng hợp các tài liệu khoa

học, các công việc thực tế liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, thu thập dữ liệu và sử dụng phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu và sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để giải quyết vấn đề. Môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tư duy thông qua việc phân tích dữ liệu, kỹ năng trình bày thông qua viết báo cáo. Dự án sẽ được đánh giá bởi hội đồng nghiệm thu.

DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2018
TRƯỞNG KHOA

TS. Mai Bình Dương